

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;
2. Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLHNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 66, ĐS 57 Đ, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Tổ 28, ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S.G, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể dung hòa được nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên để đảm bảo

cuộc sống hôn nhân lâu dài, anh chị đã cố gắng sống hòa thuận để xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng sự việc ngày càng trầm trọng, vợ chồng liên tục bất hòa và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể nào tiếp tục chung sống. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị S.G trình bày:* Chị thống nhất lời trình bày của anh Q về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị thừa nhận trong thời gian chung sống, anh chị không còn phù hợp về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng quyết định sống ly thân để cả hai có thời gian suy nghĩ lại mọi vấn đề nhưng vẫn không hàn gắn gia đình được. Nay anh Q yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án được thụ lý vào ngày 17/3/2021 nhưng đến ngày 11/11/2021 mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q; con chung không có; tài sản và nợ chung, anh Q và chị G khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị S.G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Q và chị G kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị kết hôn và chung sống từ năm 2010, trong quá trình chung sống anh chị không còn hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh chị đã cố gắng dung hòa và đã tạo cơ hội để cả hai tiếp tục chung sống nhưng không được và anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, hơn nữa trong thời gian sống ly thân cả hai đều không có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh Q và chị G lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với kiến nghị vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và phải thực hiện nghiêm việc cách ly xã hội để thực hiện phòng, chống dịch theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên không thể đưa vụ án ra xét xử theo đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Q với chị Nguyễn Thị S.G. Anh Q được ly hôn với chị G.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014730 ngày 17-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận Anh Q đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND P. N, TP. T
(Số 23/2011);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui